



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2025 - 2026**

Hệ đào tạo: Đại học  
Ngành: Thương mại điện tử

Loại đào tạo: Tăng cường tiếng anh  
Chuyên ngành: Thương mại điện tử

STT	Mã môn học	Tên môn học	Tên tiếng Anh	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Nhóm tự chọn	Số tín chỉ bắt buộc của nhóm	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	GK	TH	Thi cuối kỳ	Ghi chú
<b>Học kỳ 1</b>					<b>14</b>											
<b>Học phần bắt buộc</b>					<b>14</b>											
1	001520	Chứng chỉ Tin học	Certificate of Informatics	4297001520	0(0, 0, 0)	2599406					0	0				Import
2	003574	Quản trị học *	Fundamentals of Management	4297003574	3(2,2,6)	2507483					45	0				Import
3	003696	Giáo dục thể chất 1	Physical Education 1	4297003696	2(0,4,4)	2520405					0	60				Import
4	003803	Kỹ năng giao tiếp *	Communication skills	4297003803	3(2,2,6)	2510508					45	0				Import
5	015217	Chứng chỉ Tiếng Anh	Certificate of English Language Proficiency	4297015217	0(0,0,0)	2599451					0	0				
6	017551	Pháp luật đại cương	General laws	4297017551	3(3,0,6)	2531678					45	0				
7	017593	Toán cao cấp	Calculus	4297017593	3(3,0,6)	2513430					45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
8	017655	Nhập môn chuyên ngành Thương mại điện tử	Introduction to E-Commerce major	4297017655	2(2,0,4)	2510628					30	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
<b>Học kỳ 2</b>					<b>17</b>											
<b>Học phần bắt buộc</b>					<b>11</b>											
1	003623	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Research Methodology	4297003623	2(2,0,4)	2513433					30	0				Import
2	003630	Giáo dục thể chất 2	Physical Education 2	4297003630	2(0, 4, 4)	2520406					0	60				Import
3	015255	Anh văn 1	English 1	4297015255	3(3,0,6)	2511011					45	0				
4	016601	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	National Defence Education and Security	4297016601	8(6,4,16)	2520503					90	60				
5	017595	Nguyên lý Marketing	Principles of Marketing	4297017595	3(3,0,6)	2510653					45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
6	017656	Nguyên lý Thương mại điện tử	Principles of E-Commerce	4297017656	3(2,2,6)	2510523					30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
<b>Học phần tự chọn</b>					<b>6</b>											
1	003582	Kỹ năng xây dựng kế hoạch *	Planning Skills	4297003582	3(2,2,6)	2532002		1	3		45	0				Import
2	003605	Phương pháp tính	Numerical Analysis	4297003605	3(3,0,6)	2513435		1	3		45	0				Import
3	003622	Tâm lý học đại cương *	Psychology	4297003622	3(2,2,6)	2510585		2	3		45	0				Import
4	003633	Tiếng Việt thực hành	Vietnamese Language in Use	4297003633	3(3,0,6)	2511492		2	3		45	0				Import
5	003634	Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản *	Music - Music Theory and Guitar Basics	4297003634	3(1,4,6)	2512011		2	3		45	0				Import
6	003664	Xã hội học	Sociology	4297003664	3(3,0,6)	2513439		2	3		45	0				Import
7	003697	Toán ứng dụng	Applied Mathematics	4297003697	3(3,0,6)	2513434		1	3		45	0				Import
8	003733	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Introduction to Vietnamese Culture	4297003733	3(3,0,6)	2511491		2	3		45	0				Import
9	003748	Hội Họa *	Fine Art	4297003748	3(1,4,6)	2506529		2	3		45	0				Import
10	003783	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	Complex Analysis and Laplace Transform	4297003783	3(3,0,6)	2513436		1	3		45	0				Import
11	003822	Logic học	Logics	4297003822	3(3,0,6)	2513438		1	3		45	0				Import
12	003877	Môi trường và con người *	Environment and Human	4297003877	3(2,2,6)	2523800		2	3		45	0				Import
13	014192	Kỹ năng sử dụng bàn phím và thiết bị văn phòng	Using keyboard and office equipment skills	4297014192	3(2,2,6)	2501727		2	3		30	30				
14	015400	Công nghệ thông tin trong chuyển đổi số	Information Technology in Digital Transformation	4297015400	3(3,0,6)	2501777		1	3		45	0				
<b>Học kỳ 3</b>					<b>27</b>											
<b>Học phần bắt buộc</b>					<b>24</b>											
1	003804	Luật kinh doanh *	Business law	4297003804	3(2,2,6)	2531510					45	0				Import
2	003947	Nguyên lý thống kê	Principles of Statistics	4297003947	3(2,2,6)	2527611					30	30				Import
3	004143	Đồ họa ứng dụng	Applied Graphics	4297004143	3(2, 2, 6)	2510545					30	30				Import
4	015256	Anh văn 2	English 2	4297015256	4(4,0,8)	2511012	015255(b)				60	0				
5	015657	Kinh tế học	Economics	4297015657	3(3,0,6)	2507562					45	0				
6	017608	Truyền thông marketing số tích hợp	Digital Integrated Marketing Communication	4297017608	3(2,2,6)	2510648					30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20

STT	Mã môn học	Tên môn học	Tên tiếng Anh	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Nhóm tự chọn	Số tín chỉ bắt buộc của nhóm	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	GK	TH	Thi cuối kỳ	Ghi chú
7	017657	Thuật ngữ Thương mại điện tử *	English for E-commerce	4297017657	3(2,2,6)	2510591					45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
8	017658	Giới thiệu ngôn ngữ lập trình	Introduction to Programming Language	4297017658	2(0,4,4)	2510649					0	60				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
<b>Học phần tự chọn</b>					<b>3</b>											
1	003809	Kỹ năng hoạt náo *	Activation Skills	4297003809	3(2,2,6)	2510510		1	3		45	0				Import
2	015280	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế *	Negotiation in International Business	4297015280	3(2,2,6)	2510574		1	3		45	0				
3	017596	Kỹ năng phát triển năng lực số *	Digital Capacity Development Skills	4297017596	3(2,2,6)	2510646		1	3		45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
4	017597	Kỹ năng tư duy sáng tạo *	Creative thinking skills	4297017597	3(2,2,6)	2510647		1	3		45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
5	017598	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	Problem solving and decision making skills	4297017598	3(2,2,6)	2510681		1	3		30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
6	017599	Kỹ năng quản trị cảm xúc	Emotional management skills	4297017599	3(2,2,6)	2510682		1	3		30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
<b>Học kỳ 4</b>					<b>22</b>											
<b>Học phần bắt buộc</b>					<b>19</b>											
1	001534	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	4297001534	3(3, 0, 6)	2527402					45	0				Import
2	004029	Kinh tế lượng *	Econometrics	4297004029	3(2,2,6)	2507514					45	0				Import
3	015257	Anh văn 3	English 3	4297015257	4(4,0,8)	2511013	015256(b)				60	0				
4	017659	Cơ sở dữ liệu	Database system	4297017659	3(2,2,6)	2510541	017658(a)				30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
5	017660	Nghiên cứu và phân tích dữ liệu thị trường	Research and Market Data analysis	4297017660	3(3,0,6)	2510650					45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
6	017661	Nguyên lý lập trình Web	Principles of Web Programing	4297017661	3(2,2,6)	2510679	017658(a)				30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
<b>Học phần tự chọn</b>					<b>3</b>											
1	015065	Trực quan hóa dữ liệu	Data Visualization	4297015065	3(2,2,6)	2501678		1	3		30	30				
2	017602	Trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence	4297017602	3(2,2,6)	2501786		1	3		30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
3	017603	An toàn và bảo mật thông tin	Information security and safe	4297017603	3(2,2,6)	2501787		1	3		30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
4	017604	Tiền số và công nghệ Blockchain	Digital Currencies and Blockchain Technology	4297017604	3(2,2,6)	2508677		1	3		30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
5	017606	Tự động hoá quy trình kinh doanh	Robotic Process Automation in Business	4297017606	3(2,2,6)	2508679		1	3		30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
6	017607	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information System	4297017607	3(2,2,6)	2510645		1	3		30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
<b>Học kỳ 5</b>					<b>25</b>											
<b>Học phần bắt buộc</b>					<b>22</b>											
1	003802	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	4297003802	3(3, 0, 6)	2508456	001534(a)				45	0				Import
2	013801	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	4297013801	3(3,0,6)	2512012					45	0				
3	013802	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	4297013802	2(2,0,4)	2512013					30	0				
4	015258	Anh văn 4	English 4	4297015258	3(3,0,6)	2511014	015257(b)				45	0				
5	017662	Quản trị tác nghiệp Thương mại điện tử	E- Commerce Operations Management	4297017662	3(3,0,6)	2510430					45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
6	017663	Dự án Thương mại điện tử	E-Commerce Project	4297017663	3(2,2,6)	2510651					30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
7	017664	Thực tập doanh nghiệp chuyên ngành Thương mại điện tử 1		4297017664	2(0,4,4)	2510665	017608(a) 017658(a) 017661(a) 017660(a) 017656(a)				0	60				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
8	017665	Phân tích thiết kế hệ thống thương mại điện tử	E-Commerce System Analysis and Design	4297017665	3(2,2,6)	2510680	017658(a) 017659(a)				30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
<b>Học phần tự chọn</b>					<b>3</b>											
1	004028	Ý tưởng khởi nghiệp *	Ideas for Start-up	4297004028	3(2,2,6)	2507515		1	3		45	0				Import
2	015662	Quản trị khởi nghiệp *	Startup Management	4297015662	3(2,2,6)	2507560		1	3		45	0				
3	015663	Khởi sự kinh doanh *	Entrepreneurship	4297015663	3(2,2,6)	2507561		1	3		45	0				
<b>Học kỳ 6</b>					<b>24</b>											
<b>Học phần bắt buộc</b>					<b>12</b>											
1	003787	Thuế	Taxation	4297003787	3(3, 0, 6)	2508470					45	0				Import
2	013803	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	4297013803	2(2,0,4)	2512014					30	0				
3	013804	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	4297013804	2(2,0,4)	2512015					30	0				
4	017666	Pháp luật trong Thương mại điện tử	Laws in Electronic Commerce	4297017666	2(2,0,4)	2510658					30	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20

STT	Mã môn học	Tên môn học	Tên tiếng Anh	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Nhóm tự chọn	Số tín chỉ bắt buộc của nhóm	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	GK	TH	Thi cuối kỳ	Ghi chú
5	017667	Kỹ năng diễn thuyết tiếng Anh	English presentation skills	4297017667	3(2,2,6)	2510683					30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
<b>Học phần tự chọn</b>					<b>12</b>											
1	001629	Quản trị rủi ro	Risk Management	4297001629	3(3, 0, 6)	2507437	003574(a)	3	3		45	0				Import
2	001924	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	4297001924	3(3, 0, 6)	2507420	003574(a)	2	3		45	0				Import
3	003790	Thanh toán số	Digital payment	4297003790	3(2, 2, 6)	2510544		3	3		30	30				Import
4	004201	Bán lẻ điện tử	E-Retailing	4297004201	3(2, 2, 6)	2510521		3	3		30	30				Import
5	015709	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế *	International Supply Chain Management	4297015709	3(2,2,6)	2510568		1	3		45	0				
6	017668	Phân tích, thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	Analysis and Design Business Process Management	4297017668	3(3,0,6)	2510626		1	3		45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
7	017669	Công nghệ phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh	Big data Analysis Technology in Business	4297017669	3(2,2,6)	2510627		1	3		30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
8	017670	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	Electronic Business Strategy Management	4297017670	3(3,0,6)	2510625		2	3		45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
9	017671	Ứng dụng Python để giải quyết vấn đề	Python application for solving problem	4297017671	3(2,2,6)	2510631		2	3		30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
10	017672	Quản lý quan hệ khách hàng điện tử *	E-Customer Relationship Management	4297017672	3(2,2,6)	2510624		4	3		45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
11	017673	Bảo mật Thương mại điện tử *	E-Commerce Security	4297017673	3(2,2,6)	2510629		4	3		45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
12	017674	Phát triển hệ thống Web Thương mại điện tử	E-Commerce Website System Development	4297017674	3(2,2,6)	2510630		4	3		30	30				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
13	017675	Chiến lược marketing số *	Digital Marketing Strategy	4297017675	3(2,2,6)	2510652		4	3		45	0				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
<b>Học kỳ 7</b>					<b>10</b>											
<b>Học phần bắt buộc</b>					<b>10</b>											
1	001288	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	4297001288	2(2, 0, 4)	2512005	013801(a)				30	0				Import
2	017677	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Thương mại điện tử	Graduation thesis for Electronic commerce	4297017677	5(0,10,10)	2510667					0	150				tăng cường tiếng anh - bắt đầu từ K20
3	018463	Thực tập doanh nghiệp chuyên ngành Thương mại điện tử 2	Internship for Electronic commerce 2	4297018463	3(0,6,6)	2510688					0	90				

TP. HCM, ngày 21 tháng 04 năm 2026

**Trưởng khoa**